

Bản án số: 02/2021/HNGĐ - ST
Ngày 08-01-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Phan Văn T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14-9-2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng kết hôn với nhau đã lâu nhưng không có con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi

nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2015 chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Phan Văn T, đồng thời nhiều lần triệu tập anh T đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị H xin ly hôn anh, nhưng anh T đều có tình vắng mặt. Tòa án đã đến tận nhà anh T tại thôn S, xã T, huyện K để xác minh và được bà Kiều Thị X là mẹ đẻ anh T cung cấp: Anh T và chị H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 14-9-2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình bà X đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn theo gia đình được biết là do anh chị kết hôn với nhau đã lâu nhưng không có con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã động viên hòa giải rất nhiều nhưng không có kết quả. Đến năm 2015 chị H đã trở về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống cho đến nay không về chung sống cùng anh T lần nào nữa. Bà X khẳng định anh T đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng anh T vẫn về thăm nhà rồi lại đi làm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án đối với anh T, ngay sau mỗi lần nhận bà đều thông báo trực tiếp cho anh T biết. Tuy nhiên, anh T có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không nắm được.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xã T, huyện K và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Phan Văn T là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Theo địa phương được biết, việc mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T xảy ra là do anh chị kết hôn với nhau thời gian đã lâu nhưng không có con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng đánh, cãi chửi nhau. Từ năm 2015 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay địa phương không thấy chị H quay về chung sống với anh T nữa. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung, con riêng: Chị H xác định vợ chồng anh chị không có con chung và con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn là chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh T vắng mặt không có lí do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, vi phạm các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 14-9-2010 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với nhau đã lâu nhưng không có con, song cả hai không tìm được tiếng nói chung, không biết động viên chia sẻ để cùng tìm hướng khắc phục mà hay quay ra đổ lỗi cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T; còn anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của anh T thì mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T xảy ra là thực tế, mặc dù đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ năm 2015 đến nay anh chị li thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung; con riêng*: Chị H xác định chị và anh T không có con chung, không có con riêng nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004208 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

